

Số: 20/QĐ-ĐHKG

Kiên Giang, ngày 24 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ
cho người học trình độ đại học tại Trường Đại học Kiên Giang**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG

Căn cứ Quyết định số 758/QĐ-TTg ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kiên Giang;

Căn cứ Nghị Quyết số 11/NQ-HĐT ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kiên Giang;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 498/QĐ-ĐHKG ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ Đại học tại Trường Đại học Kiên Giang;

Theo đề nghị của Lãnh đạo Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho người học trình độ đại học tại Trường Đại học Kiên Giang.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 207/QĐ-ĐHKG ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy định xét công nhận chuyển đổi và miễn trừ khối lượng kiến thức đào tạo liên thông trình độ đại học tại Trường Đại học Kiên Giang.

Điều 3. Lãnh đạo các Phòng Đào tạo, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Phòng Thanh tra - Pháp chế, các Khoa, các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT (6b).



Nguyễn Tuấn Khanh

QUY ĐỊNH

Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho người học trình độ đại học tại Trường Đại học Kiên Giang

(Ban hành kèm theo Quyết định số 202/QĐ-ĐHKG ngày 24 tháng 02 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang)

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về việc xem xét, công nhận kết quả học tập của người học đã tích lũy từ một trình độ đào tạo khác, một ngành đào tạo hoặc một chương trình đào tạo khác, một khóa học khác, từ một trường đại học, cơ sở đào tạo khác hoặc theo chương trình thực tập sinh của Nhà trường với các đối tác được Trường Đại học Kiên Giang xem xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi sang tín chỉ (sau đây gọi là tất là công nhận học phần) của những học phần trong chương trình đào tạo mà người học theo học tại Trường Đại học Kiên Giang.

2. Quy định này áp dụng đối với người học thuộc các hình thức, trình độ đào tạo tại Trường Đại học Kiên Giang (sau đây gọi tắt là Trường).

Điều 2. Nguyên tắc công nhận học phần

1. Sinh viên Trường Đại học Kiên Giang đã thôi học được xét công nhận học phần khi đã hoàn thành các nghĩa vụ với Trường và không thuộc diện buộc thôi học do bị kỷ luật.

2. Sinh viên Trường Đại học Kiên Giang đã học ở một cơ sở đào tạo khác nhưng không có quyết định tiếp nhận sinh viên chuyển trường đến được xét công nhận học phần khi không vi phạm quy định, quy chế hoặc không bị kỷ luật tại cơ sở đào tạo đã học và có kết quả học tập được cấp đúng quy định, Trường sẽ thực hiện xét công nhận học phần khi nhận được phản hồi bằng văn bản về các nội dung trên của cơ sở đào tạo mà sinh viên đã học.

3. Việc công nhận học phần trên cơ sở đối sánh về chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng học tập, cách thức đánh giá học tập của người học đã tích lũy trong chương trình đào tạo (viết tắt CTĐT) đã học so với CTĐT hiện hành của Trường, trừ trường hợp có quy định khác.

4. Việc công nhận học phần được thực hiện đối với tất cả hình thức đào tạo.

5. Việc xem xét công nhận học phần theo các cấp độ:

- Công nhận, chuyển đổi theo từng học phần;
- Công nhận, chuyển đổi theo từng nhóm học phần;
- Công nhận, chuyển đổi theo CTĐT.



6. Khối lượng tối đa được công nhận học phần của mỗi người học không vượt quá 50% khối lượng học tập tối thiểu của CTĐT hiện hành; riêng đối với ngành đào tạo giáo viên thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Việc xem xét công nhận học phần đối với các học phần trong CTĐT người học đã tích lũy đạt từ điểm D⁺ trở lên theo thang điểm chữ hoặc đạt từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

8. Việc công nhận học phần là hợp nhất của hai hay nhiều học phần sinh viên đã tích lũy trong CTĐT đã học nếu đảm bảo được chuẩn đầu ra của học phần. Điểm học phần được công nhận là điểm trung bình với trọng số của điểm các học phần đã tích lũy (trọng số là số tín chỉ hoặc số đơn vị học trình (ĐVHT) của các học phần đã học).

9. Trường hợp học phần có tên không trùng với tên học phần trong CTĐT hiện hành của Trường, nhưng có nội dung, thời lượng tương đương và đảm bảo chuẩn đầu ra của học phần thì được công nhận, chuyển đổi; nếu bảng điểm của người học ở CTĐT đã tích lũy không có số tín chỉ hoặc ĐVHT, Khoa và Bộ môn căn cứ vào CTĐT hiện hành đề xuất Trường xem xét việc công nhận học phần các học phần có nội dung kiến thức tương đương hoặc trùng tên với học phần trong CTĐT hiện hành.

10. Quy đổi từ ĐVHT sang tín chỉ được thực hiện theo quy định sau:

TT	Số ĐVHT	Số TC quy đổi
1	2-3	2
2	4	3
3	5-6	4

11. Quy đổi điểm từ thang điểm 10 sang thang điểm chữ và thang điểm 4 thực hiện theo Quy chế đào tạo hiện hành.

12. Đối với người học tham gia chương trình thực tập sinh, Khoa chuyên môn xem xét căn cứ nội dung và thời lượng thực tập đề xuất chuyển đổi đối với học phần phù hợp trong CTĐT.

Điều 3. Việc xét công nhận học phần đối với các học phần thuộc khối kiến thức Giáo dục đại cương

1. Đối với các học phần ngoại ngữ

a) Người học được xét công nhận học phần các học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức Giáo dục đại cương (GDĐC) đối với ngành đào tạo không chuyên ngữ, nếu có một trong những điều kiện sau:

- Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ (KNLNN) 6 bậc của Việt Nam, IELTS, TOEFL iBT, Cambridge Test hoặc những chứng chỉ quốc tế bao gồm 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam công nhận có tham chiếu theo khung năng lực ngôn ngữ của CEFR còn thời hạn sử dụng 24 tháng tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp đăng ký xét công nhận học phần sẽ

xem xét công nhận và chuyển đổi tương đương theo điểm quy đổi được quy định tại Bảng 1 Phụ lục I đính kèm Quy định này;

- Có bằng đại học ngoại ngữ hoặc bằng đại học, cao đẳng của CTĐT dạy bằng ngoại ngữ được xét miễn các học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức GDĐC tương đương;

- Người học tại Trường học song ngành, nếu ngành 1 là ngành đào tạo chuyên ngữ được xét miễn các học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức GDĐC tương ứng của ngành 2;

- Những trường hợp khác do Hiệu trưởng xem xét, quyết định trên cơ sở đề xuất của Khoa chuyên môn và đơn vị chức năng liên quan.

b) Người học được xét công nhận học phần các học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức GDĐC đối với ngành đào tạo chuyên ngữ, nếu có một trong những điều kiện sau:

- Có bằng đại học ngoại ngữ hoặc bằng đại học, cao đẳng của CTĐT dạy bằng ngoại ngữ được xét miễn các học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức GDĐC tương đương;

- Những trường hợp khác do Hiệu trưởng xem xét, quyết định trên cơ sở đề xuất của Khoa chuyên môn và đơn vị chức năng liên quan.

2. Đối với học phần Tin học thuộc khối kiến thức GDĐC

a) Người học được xét công nhận học phần các học phần Tin học thuộc khối kiến thức GDĐC nếu đạt theo quy định. Điểm công nhận học phần là điểm của học phần Tin học tương ứng trong CTĐT mà người học theo học.

b) Người học được miễn các học phần Tin học thuộc khối kiến thức GDĐC, nếu có bằng tốt nghiệp trung cấp tin học hoặc tốt nghiệp cao đẳng, đại học các ngành thuộc nhóm ngành Khoa học máy tính, Công nghệ thông tin.

3. Đối với các học phần Giáo dục quốc phòng - an ninh (GDQPAN)

a) Đối tượng được xét miễn các học phần GDQPAN:

- Người học có giấy chứng nhận sĩ quan dự bị hoặc bằng tốt nghiệp do các trường quân đội, công an cấp;

- Người học đã có chứng chỉ GDQPAN tương ứng với trình độ đào tạo;

- Người học có bằng tốt nghiệp cao đẳng, đại học đào tạo theo hình thức chính quy.

b) Đối tượng được xét miễn các nội dung thực hành của các học phần thực hành kỹ năng quân sự, nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Người học là người khuyết tật, người không đủ sức khỏe về thể lực hoặc mắc những bệnh lý thuộc diện miễn nghĩa vụ quân sự theo quy định hiện hành (có giấy xác nhận của cơ quan y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên);

- Người học đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, công an nhân dân.

c) Đối tượng được xét công nhận học phần các học phần trong chương trình GDQPAN nếu có bằng điểm hoặc giấy xác nhận kết quả học tập các môn học, nội dung trong chương trình GDQPAN đạt từ 5 điểm trở lên (theo hệ điểm 10);

0
R
A
I
E
N

ph

4. Đối với các học phần Giáo dục Thể chất (GDTC)

a) Người học được xét miễn các học phần GDTC trong các trường hợp sau:

- Người học có bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học thuộc nhóm ngành Thể dục Thể thao;

- Người học có bằng tốt nghiệp cao đẳng, đại học chính quy theo chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Người học có chứng chỉ GDTC;

- Người học là người khuyết tật, người không đủ sức khỏe về thể lực hoặc mắc những bệnh lý hạn chế chức năng vận động (*có giấy xác nhận của cơ quan y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên*);

b) Người học được xét công nhận học phần các học phần GDTC nếu có bảng điểm hoặc giấy xác nhận kết quả học tập các môn học, nội dung trong chương trình GDTC đạt từ 5 điểm trở lên (*theo hệ điểm 10*).

Điều 4. Việc xét công nhận học phần đối với các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành

1. Việc xét công nhận học phần đối với học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành dựa vào kết quả các học phần mà người học đã học và tích lũy ở CTĐT trước đó và đảm bảo nội dung quy định tại Điều 2 Quy định này.

2. Người học được xét công nhận học phần các học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức cơ sở ngành đối với ngành đào tạo chuyên ngữ tiếng Anh nếu có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ theo KNLNN 6 bậc của Việt Nam, IELTS, TOEFL iBT, Cambridge Test hoặc những chứng chỉ quốc tế bao gồm 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam công nhận có tham chiếu theo khung năng lực ngôn ngữ của CEFR còn thời hạn sử dụng 24 tháng tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày nộp đăng ký xét công nhận học phần theo quy định tại Bảng 2 Phụ lục I đính kèm Quy định này;

3. Việc xét công nhận học phần không thực hiện đối với các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành.

4. Những trường hợp khác do Hiệu trưởng xem xét, quyết định trên cơ sở đề xuất của Khoa và Phòng chức năng có liên quan.

Điều 5. Hồ sơ, trình tự xét công nhận học phần

1. Hồ sơ đề nghị xét công nhận học phần

a) Đơn đề nghị xét công nhận kết quả học tập và chuyên đổi tín chỉ (*theo mẫu*);

b) Bảng điểm đã tích lũy ở CTĐT trước đó; bản sao công chứng/chứng thực các văn bằng, chứng chỉ còn giá trị theo quy định;

c) Các giấy tờ khác có liên quan do cơ quan có thẩm quyền cấp (*nếu có*).

V. A.
HỌC
GIAN

Trong trường hợp nếu người học thiếu hồ sơ minh chứng như: không có bảng điểm, bảng điểm không ghi rõ ĐVHT, số tín chỉ... thì người học phải có xác nhận kết quả học tập của cơ sở đào tạo về CTĐT đã học.

2. Trình tự xét công nhận học phần

a) Người học có nhu cầu gửi hồ sơ đề nghị xét công nhận học phần về Phòng Đào tạo theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Phòng Đào tạo tổng hợp thông tin chuyển đến các Khoa có liên quan tổ chức xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ cho người học theo Quy định này;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đề nghị xét công nhận học phần từ Phòng Đào tạo, Khoa tổ chức xét công nhận học phần cho người học và gửi kết quả về Phòng Đào tạo gồm biên bản họp (theo mẫu Phụ lục II), hồ sơ đề nghị xét công nhận học phần;

d) Căn cứ vào biên bản của các Khoa, Phòng Đào tạo tổng hợp, tham mưu Hiệu trưởng ban hành Quyết định công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho người học và thông tin kết quả đến người học, Khoa liên quan.

Điều 6. Kết quả công nhận học phần

1. Người học được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ học phần nào thì được miễn học, miễn thi học phần đó.

2. Người học sau khi hoàn thành CTĐT của ngành, bậc, hình thức đào tạo sẽ được xác nhận kết quả học tập (nếu chưa được công nhận tốt nghiệp) hoặc cấp Phụ lục văn bằng tốt nghiệp (nếu được công nhận tốt nghiệp) gồm: kết quả học tập các học phần đã được xét công nhận, chuyển đổi và kết quả học tập các học phần theo CTĐT ngành hiện hành.

Điều 7. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Phòng Đào tạo có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ của người học, tổ chức, triển khai các công tác theo trình tự công nhận học phần; phối hợp với các đơn vị trong Trường thực hiện các công việc liên quan; lưu trữ hồ sơ công nhận học phần theo quy định.

2. Các Khoa, Bộ môn có trách nhiệm tổ chức xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ cho người học theo Quy định này.

3. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng:

a) Chủ trì phối hợp với Phòng Thanh tra - Pháp chế và các đơn vị có liên quan trong công tác xác minh văn bằng, chứng chỉ có liên quan của người học.

b) Thực hiện công tác nhập điểm theo quyết định công nhận học phần liên quan lên hệ thống quản lý đào tạo Nhà trường.

4. Phòng Thanh tra - Pháp chế tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Quy định này.



Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực cùng với Quyết định ký ban hành. Những quy định trước đây trái với Quy định này đều bị bãi bỏ.

2. Trong quá trình thực hiện, Nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá và điều chỉnh (nếu có) để phù hợp với pháp luật hiện hành và điều kiện đào tạo thực tế tại Trường.

kh

HIỆU TRƯỞNG**Nguyễn Tuấn Khanh**



Phụ lục I

CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ VÀ CẤP ĐỘ ĐƯỢC XÉT CÔNG NHẬN VÀ CHUYỂN ĐỔI TÍN CHỈ HỌC PHẦN NGOẠI NGỮ CĂN BẢN VÀ BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 202/QĐ-ĐHKG ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang)

BẢNG 1

Bảng quy đổi xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ
(Áp dụng cho Sinh viên không chuyên ngữ)

IELTS	TOEFL IBT	Cambridge TEST	CEFR	Điểm quy đổi cho các học phần		
				Tiếng Anh 1	Tiếng Anh 2	Tiếng Anh 3
8.5-9.0	106-120	CPE - A	C2	10.0	10.0	10.0
		CPE - B		10.0	10.0	10.0
7.0 - 8.0	100-105	CPE - C	C1	10.0	10.0	10.0
	97-99	CAE - A		10.0	10.0	10.0
	94-96	CAE - B		10.0	10.0	10.0
5.0 - 6.5	85-93	CAE - C	B2	10.0	10.0	10.0
	75-84	FCE - A		10.0	10.0	10.0
	65-74	FCE - B		10.0	10.0	10.0
	45-64	FCE - C		10.0	10.0	10.0
4.5	44	PET - Distinction	B1	10.0	10.0	10.0
	42-43	PET - Merit		10.0	10.0	9.0
	40-41	PET - Pass		10.0	9.0	8.0
4.0	38-39	KET - Distinction	A2	9.0	8.0	Không áp dụng
	35-37	KET - Merit		8.0	7.0	

Ghi chú:

- IELTS: International English Language Testing System.
- TOEFL: Test of English as a Foreign Language.
- KET: Key English Test.
- PET: Preliminary English Test.
- FCE: First Certificate in English.
- CAE: Certificate in Advanced English.
- CPE: Certificate of Proficiency in English.
- CEFR: Common European Framework of Reference.



BẢNG 2

Bảng quy đổi xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ
(Áp dụng cho Sinh viên chuyên ngành tiếng Anh)

IELTS	TOEFL IBT	Cambridge TEST/ KNLNN 6 bậc Việt Nam	CEFR/ KNLNN 6 bậc Việt Nam	Điểm quy đổi cho các học phần			
				KN nghe nói 1– KN đọc viết 1	KN nghe nói 2– KN đọc viết 2	KN nghe nói 3– KN đọc viết 3	KN nghe nói 4 – KN đọc viết 4
9.0	114-120	CPE - A	C2	10.0	10.0	10.0	10.0
8.5	106-113	CPE – B		10.0	10.0	10.0	10.0
8.0	100-105	CPE – C 9.5	C1/ Bậc 5	10.0	10.0	10.0	10.0
7.5	97-99	CAE – A 9.0		10.0	10.0	10.0	10.0
7.0	94-96	CAE – B 8.5		10.0	10.0	10.0	10.0
6.5	85-93	CAE – C 8.0	B2/ Bậc 4	10.0	10.0	9.5	9.0
6.0	75-84	FCE – A 7.0		10.0	10.0	9.0	8.5
5.5	65-74	FCE – B 7.0		10.0	10.0	8.5	8.0
5.0	45-64	FCE – C 6.0 – 6.5		10.0	9.0	8.0	Không áp dụng
4.5	44	PET – Distinction 5.5	B1/ Bậc 3	9.0	8.0	Không áp dụng	
	42-43	PET – Merit 5.0		8.0	7.0		
	40-41	PET – Pass 4.0 – 4.5		7.0	Không áp dụng		

Ghi chú:

- IELTS: International English Language Testing System.
- TOEFL: Test of English as a Foreign Language.
- KET: Key English Test.
- PET: Preliminary English Test.
- FCE: First Certificate in English.
- CAE: Certificate in Advanced English.
- CPE: Certificate of Proficiency in English.
- CEFR: Common European Framework of Reference.
- Đối với các học phần ngoại ngữ khác (tiếng Trung, tiếng Nhật, tiếng Pháp, tiếng Đức ...) quy đổi theo khung tham chiếu 6 bậc và tính theo tiếng Anh.



Handwritten signature or mark.

Phụ lục II

BIÊN BẢN XÉT, CÔNG NHẬN

KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CHUYỂN ĐỔI TÍN CHỈ

(Ban Khoa Khoa) theo Quyết định số 202/QĐ-ĐHKG ngày 24 tháng 02 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA.....

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số: / BB-.....

Kiên Giang, ngày tháng năm 20

BIÊN BẢN

Về việc xét, công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

I. Thành phần:

- Ông / Bà chức vụ
- Ông / Bà chức vụ
- Ông / Bà chức vụ

II. Thời gian và địa điểm:

- Thời gian:
- Địa điểm:

III. Nội dung:

Căn cứ đơn đề nghị, bảng điểm của sinh viên, các quy định của Nhà trường. Khoa tiến hành xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho các sinh viên có tên sau:

- Sinh viên..... ngành.....
- Sinh viên..... ngành.....
- ngành.....

IV. Ý kiến của các thành viên

.....
.....

V. Kết luận của chủ tọa

.....
.....

1. Thống nhất đề nghị công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho ... sinh viên, cụ thể như sau:

Sinh viên 1:..... (mã SV:.....)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Điểm (thang 10)	Ghi chú
...				

Sinh viên 2:..... (mã SV:.....)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Điểm (thang 10)	Ghi chú
...				



Handwritten signature

Handwritten signature

2. Thống nhất đề nghị miễn học phần cho ... sinh viên, cụ thể như sau:

Sinh viên 1:..... (mã SV:.....)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Ghi chú
...			

Sinh viên 2:..... (mã SV:.....)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Ghi chú
...			

Cuộc họp kết thúc lúc giờ phút cùng ngày./.

Thư ký

(Ký, ghi rõ họ tên)

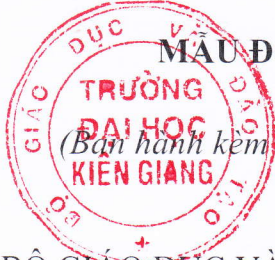
Chủ tọa

(Ký, ghi rõ họ tên)



Handwritten signature

Handwritten signature



**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HỌC TẬP
VÀ CHUYỂN ĐỔI TÍN CHỈ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 202/QĐ-ĐHKG ngày 24 tháng 02 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang)

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

Kính gửi:

- Ban Giám hiệu Trường Đại học Kiên Giang;
- Phòng Đào tạo;
- Khoa⁽¹⁾.....

Tôi tên: Sinh ngày:

MSSV: Lớp sinh viên:

Số điện thoại: Email:

Nay, tôi làm đơn này kính đề nghị Ban Giám hiệu Nhà trường và các đơn vị có liên quan xem xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ các học phần, cụ thể như sau:

TT	Mã HP	Tên HP	Số TC	Điểm (thang điểm 10) ⁽²⁾
1				
2				
...				

Lý do, tôi đã hoàn thành:.....

Kèm theo (minh chứng):

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Kiên Giang, ngày..... tháng..... năm.....

Cố vấn học tập
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Người viết đơn
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

- (1) Khoa quản lý học phần;
- (2) Nếu đề nghị miễn ghi chữ “miễn” vào cột điểm.

Handwritten signature

Handwritten signature